Mẫu 2. CBHC/HQ

(Ban hành kèm theo Thông tư 28/2012/TT-BKHCN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số: 172/2023/CBHQ-BM

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẢO MINH

Địa chỉ: Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km 10, Quốc lộ 10, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 0228.3868.888 **Fax:** 0228.3868.889

E-mail: info@baominh.vn

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...):

- Tên sản phẩm: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- Cơ sở sản xuất: Nhà máy xử lý nước sạch Khu công nghiệp Bảo Minh (Địa chỉ: Khu công nghiệp Bảo Minh, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định).
- Công suất thiết kế: 20.000 m^3/ngày đêm.
- Đặc trưng kỹ thuật: Nước nguyên liệu được khai thác từ nguồn nước sông Đào và xử lý qua hệ thống công nghệ keo tụ - tạo bông, lắng, lọc trọng lực, khử trùng tập trung hoàn chỉnh và phân phối qua mạng lưới đường ống cấp nước nội khu cho các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp Bảo Minh.

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi):

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...):

- Hình thức công bố hợp quy: Công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 14 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017).
- Căn cứ đánh giá hợp quy: Báo cáo tự đánh giá hợp quy số 171/2023/BCTĐG-BM ngày 20/11/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh trên cơ sở kết quả thử nghiệm đầy đủ 99 thông số chất lượng nước sạch theo QCVN 01-1:2018/BYT (03 mẫu đại diện: 01 mẫu tại bể chứa nước sạch đã xử lý trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước và 02 mẫu lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước) do Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường (Phòng thử nghiệm đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025 - Mã số VILAS 372 – VIMCERTS 006) thực hiện theo các Phiếu kết quả thử nghiệm: Số NDH71/23.2377-1/GSMT-EATC (mẫu NSH1 ngày 03/11/2023), Số NDH71/23.2377-2/GSMT-EATC (mẫu NSH2 ngày 03/11/2023), Số NDH71/23.2377-3/GSMT-EATC (mẫu NSH3 ngày 03/11/2023).
- Phương thức đánh giá sự phù hợp: Phương thức 1 (Thử nghiệm mẫu điển hình) theo Phụ lục II Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Điều 5, Điều 6 QCVN 01-1:2018/BYT (Thông tư 41/2018/TT-BYT).

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

Nam Định, ngày 20 tháng 11 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

M.S.D.N: 0600389814 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẢO MINH
H. VỤ BẢN - T. NAM ĐỊNH

GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH

NGUYỄN THANH TÙNG

Mẫu 5. BCĐG
(Ban hành theo Thông tư 28/2012/TT-BKHCN)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẢO MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
---	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 171./2023/CV-BM	*Nam Định, ngày 20 tháng 11 năm 2023*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỢP QUY

1. Ngày đánh giá: 20/11/2023

2. Địa điểm đánh giá:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Bảo Minh.

- Địa chỉ: Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km 10, Quốc lộ 10, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

3. Tên sản phẩm:

- Tên gọi: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Nơi sản xuất: Nhà máy xử lý nước sạch Khu công nghiệp Bảo Minh (Công suất thiết kế: 20.000 m^3/ngày đêm).

4. Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:

- Tổ chức thử nghiệm: Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường (Phòng thử nghiệm đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025 - Mã số VILAS 372 - VIMCERTS 006, địa chỉ: Số 311 Vũ Tông Phan, Khương Hạ, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội).

- Số lượng và vị trí lấy mẫu: Căn cứ Điều 6 QCVN 01-1:2018/BYT (Thông tư số 41/2018/TT-BYT) đối với đơn vị cấp nước cho Khu công nghiệp, Đơn vị đã phối hợp với Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường thực hiện lấy và thử nghiệm 03 mẫu đại diện vào ngày 03/11/2023, phân tích từ ngày 04/11/2023 đến ngày 15/11/2023, cụ thể:

+ Mẫu NSH1 (Phiếu kết quả thử nghiệm số NDH71/23.2377-1/GSMT-EATC): Lấy tại nhà máy xử lý nước sạch (bể chứa nước sạch đã xử lý của Trạm cấp nước KCN Bảo Minh trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước). Tọa độ N: 20°21'16,1"; E: 106°06'49,0". Đặc điểm mẫu: Nước trong, có mùi (Clo dư).

+ Mẫu NSH2 (Phiếu kết quả thử nghiệm số NDH71/23.2377-2/GSMT-EATC): Lấy tại nhà máy xử lý nước thải (vòi sử dụng phục vụ sinh hoạt nội bộ khu xử lý trên mạng lưới cấp nước). Tọa độ N: 20°21'21,5"; E: 106°06'4,0". Đặc điểm mẫu: Nước trong, có mùi (Clo dư).

+ Mẫu NSH3 (Phiếu kết quả thử nghiệm số NDH71/23.2377-3/GSMT-EATC): Lấy tại nhà điều hành KCN Bảo Minh (vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước). Tọa độ N: 20°20'57,3"; E: 106°06'38,4". Đặc điểm mẫu: Nước trong, có mùi (Clo dư).

6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:

- Đánh giá kết quả thử nghiệm: Căn cứ 03 Phiếu kết quả thử nghiệm số NDH71/23.2377-1, -2, -3/GSMT-EATC do Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường phát hành ngày 15/11/2023, tất cả 98 thông số thử nghiệm của cả 03 mẫu đều ĐẠT giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT. Các thông số cảm quan và vi sinh vật nhóm A đều đạt chuẩn (Coliform tổng số không phát hiện < 3 CFU/100mL, E.Coli không phát hiện < 1 CFU/100mL, pH trong khoảng 6,96 - 7,48, độ đục ≤ 2 NTU, màu sắc < 5 TCU, không mùi vị lạ, Clo dư tại vòi và bể chứa đạt trong khoảng 0,2 - 1,0 mg/L). Các thông số hóa học, kim loại nặng, chất bảo vệ thực vật, sản phẩm phụ khử trùng và phóng xạ thuộc nhóm B đều nằm sâu dưới ngưỡng quy chuẩn cho phép (như hàm lượng Arsenic < 0,001 mg/L, Amoni < 0,125 mg/L, độ cứng ≤ 52 mg/L, Nitrat ≤ 1,34 mg/L, Nitrit < 0,008 mg/L).

- Đánh giá quy trình sản xuất: Hệ thống xử lý nước hoạt động ổn định, liên tục, tuân thủ nghiêm ngặt quy trình công nghệ và châm hóa chất (PAC, Clo), bảo đảm hiệu lực kiểm soát chất lượng tại tất cả các công đoạn.

7. Các nội dung khác (nếu có):

- Quy trình công nghệ: Nước mặt nguyên liệu (Sông Đào) -> Song chắn rác & Trạm bơm nước thô -> Bể trộn cơ khí (châm chất keo tụ PAC) -> Bể phản ứng tạo bông -> Bể lắng Lamen ->

Bể lọc nhanh trọng lực -> Bể chứa nước sạch (châm Clo khử trùng) -> Trạm bơm cấp II -> Mạng lưới đường ống phân phối đến các nhà máy trong KCN Bảo Minh.

- Kiểm soát chất lượng và giám sát định kỳ: Kiểm tra vận hành hằng ngày (pH, độ đục, mùi, Clo dư tự do 0,2 - 1,0 mg/L); thử nghiệm nội kiểm định kỳ theo quy định của Thông tư 41/2018/TT-BYT (Nhóm A không ít hơn 01 tháng/lần; Nhóm B không ít hơn 06 tháng/lần); báo cáo định kỳ theo Mẫu số 06 Thông tư số 41/2018/TT-BYT gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Nam Định.

8. Kết luận:

☒ Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

☐ Sản phẩm không phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật.

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ	XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
Bùi Văn Đức	GIÁM ĐỐC VẬN HÀNH NGUYỄN THANH TÙNG
(Trưởng phòng Môi trường và Công nghệ)	

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

(Tài liệu kỹ thuật kèm theo Hồ sơ công bố hợp quy theo Thông tư 28/2012/TT-BKHCN, Thông tư 02/2017/TT-BKHCN và Thông tư 41/2018/TT-BYT)

I. THUYẾT MINH QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH (20.000 M³/NGÀY ĐÊM)

1. Sơ đồ dây chuyền công nghệ:

Nước mặt nguyên liệu (Sông Đào) -> Công trình thu & Trạm bơm cấp I -> Thiết bị trộn cơ khí (Châm hóa chất keo tụ PAC) -> Bể phản ứng tạo bông -> Bể lắng Lamen -> Bể lọc nhanh trọng lực -> Bể chứa nước sạch (Châm Clo khử trùng) -> Trạm bơm cấp II -> Mạng lưới đường ống phân phối nội khu KCN Bảo Minh.

2. Kiểm soát các công đoạn chính:

- Công đoạn khai thác nước thô: Kiểm soát rác thô, độ đục, pH nguồn nước đầu vào hàng ca.

- Công đoạn keo tụ - tạo bông - lắng: Định lượng dung dịch PAC thông qua bơm định lượng tự động theo lưu lượng nước thô và độ đục đầu vào; xả bùn đáy bể lắng định kỳ.

- Công đoạn lọc nhanh: Kiểm soát tổn thất áp lực qua lớp vật liệu lọc (cát thạch anh), thực hiện rửa ngược (gió - nước kết hợp) theo chu kỳ kỹ thuật đảm bảo độ đục sau lọc luôn ≤ 2 NTU.

- Công đoạn khử trùng & phân phối: Châm Clo khử trùng vào bể chứa nước sạch đảm bảo hàm lượng Clo dư tự do duy trì ổn định trong khoảng 0,2 - 1,0 mg/L trên toàn mạng lưới cấp nước cho các nhà đầu tư thứ cấp.

II. KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG VÀ GIÁM SÁT NỘI KIỂM ĐỊNH KỲ (THÔNG TƯ 41/2018/TT-BYT)

Hạng mục kiểm soát	Tần suất thực hiện	Số lượng & Vị trí mẫu (Công suất 20.000 m³/ngày.đêm)	Phương pháp / Đơn vị thực hiện
Kiểm soát chất lượng nước theo ca vận hành (pH, Độ đục, Mùi, Clo dư tự do)	Hằng ngày (mỗi ca trực)	01 điểm tại bể chứa nước sạch sau xử lý và điểm kiểm tra mạng lưới	Tự kiểm tra tại phòng thí nghiệm hiện trường của Trạm cấp nước

Hạng mục kiểm soát	Tần suất thực hiện	Số lượng & Vị trí mẫu (Công suất 20.000 m^3/ngày.đêm)	Phương pháp / Đơn vị thực hiện
Nội kiểm định kỳ các thông số Nhóm A (theo Điều 4 QCVN 01-1:2018/BYT)	Không ít hơn 01 tháng/lần	03 mẫu/lần: - 01 mẫu tại bể chứa nước đã xử lý; - 02 mẫu ngẫu nhiên trên mạng lưới.	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường (VILAS 372 – VIMCERTS 006)
Nội kiểm định kỳ các thông số Nhóm B (theo Điều 4 QCVN 01-1:2018/BYT)	Không ít hơn 06 tháng/lần	03 mẫu/lần: - 01 mẫu tại bể chứa nước đã xử lý; - 02 mẫu ngẫu nhiên trên mạng lưới.	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Phân tích Môi trường (VILAS 372 – VIMCERTS 006)

III. DANH MỤC HỒ SƠ LƯU TRỮ TẠI ĐƠN VỊ PHỤC VỤ THANH TRA, NGOẠI KIỂM

1. Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Sở Y tế tỉnh Nam Định và toàn bộ hồ sơ gốc công bố hợp quy theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN và Thông tư số 41/2018/TT-BYT.

2. Các Phiếu kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch định kỳ, đột xuất kèm kết quả nội kiểm lập theo quy định và kết quả ngoại kiểm của CDC tỉnh Nam Định (Mẫu số 01 - TT 41/2018/TT-BYT).

3. Hồ sơ nguồn gốc, xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) và Phiếu an toàn hóa chất (MSDS) của các hóa chất sử dụng trong sản xuất nước sạch (PAC, Clo khử trùng).

4. Minh chứng công khai thông tin kết quả nội kiểm trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc và các Báo cáo tổng hợp định kỳ hằng 6 tháng, cả năm (Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT) gửi CDC tỉnh Nam Định.